

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

**NGÔN NGỮ KỂ TRONG TIỂU THUYẾT
“FOR WHOM THE BELL TOLLS”
(CHUÔNG NGUYỆN HỒN AI)****HÁN THỊ BÍCH NGỌC***

TÓM TẮT: Bài viết phân tích đặc điểm ngôn ngữ kể trong tiểu thuyết *For Whom the Bell Tolls* (Chuông nguyện hồn ai) của Ernest Hemingway, tập trung vào giọng kể của người trần thuật hàm ẩn bên ngoài câu chuyện. Sử dụng ngôi kể thứ ba, ngôn ngữ kể trong tác phẩm mang giọng điệu khách quan và trung lập, cho phép người đọc cảm nhận câu chuyện một cách tự nhiên, không bị chi phối bởi quan điểm chủ quan của người kể. Thay vì tập trung vào miêu tả hay bình luận, người kể chủ yếu thuật lại các sự kiện một cách ngắn gọn và chính xác. Phong cách trần thuật này không chỉ tăng cường tính chân thực mà còn làm nổi bật nhịp điệu gấp gáp và căng thẳng của câu chuyện, đồng thời thể hiện rõ nét phong cách viết tối giản và độc đáo của Ernest Hemingway.

TỪ KHÓA: ngôn ngữ kể; trần thuật; Ernest Hemingway; tiểu thuyết chiến tranh; *For Whom the Bell Tolls* (Chuông nguyện hồn ai).

NHẬN BÀI: 27/11/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 10/01/2025

1. Đặt vấn đề

Trong tác phẩm tự sự, ngôn ngữ kể thuộc lớp ngôn ngữ người trần thuật, là thành phần quan trọng giúp truyền tải nội dung câu chuyện, liên kết sự việc, nhân vật và bối cảnh. Thông qua hành động kể, các sự kiện được tái hiện và góc nhìn của người kể chuyện cũng được hé mở. Nghiên cứu ngôn ngữ kể không chỉ làm rõ các yếu tố cấu thành văn bản mà còn mở ra góc nhìn về cách thức tác giả dùng ngôn từ để tái hiện thế giới nghệ thuật trong tác phẩm văn học. Trong bài viết này, chúng tôi lựa chọn phân tích ngôn ngữ kể trong tiểu thuyết *For whom the bell tolls* (Chuông nguyện hồn ai), một tiểu thuyết chiến tranh nổi tiếng của Ernest Hemingway để làm rõ các đặc trưng ngôn ngữ kể của người trần thuật hàm ẩn đứng bên ngoài câu chuyện.

2. Ngôn ngữ người trần thuật và ngôn ngữ kể

Người kể chuyện, hay còn gọi là người trần thuật, là chủ thể thực hiện hành động trần thuật, chịu trách nhiệm kể lại câu chuyện trong tác phẩm tự sự. Theo định nghĩa trong Từ điển thuật ngữ Văn học, ngôn ngữ của người kể chuyện được hiểu là “*phần lời văn phản ánh quan điểm của tác giả hoặc người kể chuyện đối với cuộc sống được mô tả, với những nguyên tắc nhất quán trong việc lựa chọn và sử dụng các phương tiện ngôn ngữ để tạo hình và biểu đạt*” [Lê Bá Hán cùng đồng chủ biên, 2000]. Lớp ngôn ngữ này thường được nghiên cứu với các thành phần như lời kể, lời miêu tả và bình luận. Trong các yếu tố trên, lời kể là thành phần cốt lõi, đóng vai trò chính trong việc dẫn dắt người đọc hoặc người nghe qua những diễn biến của câu chuyện. Thành phần bao gồm các phân đoạn kể về hành động, lời nói và ý nghĩ của nhân vật, cùng với các sự kiện và biến cố xảy ra trong câu chuyện. Vai trò của thành phần này là thiết yếu trong việc xây dựng và phát triển cốt truyện, từ đó giúp người đọc nắm bắt diễn biến câu chuyện và cảm nhận sự phát triển của các nhân vật. Lời kể không chỉ đơn thuần là một phương tiện truyền đạt thông tin mà còn là cách để người kể chuyện thể hiện phong cách cá nhân và giọng điệu của mình [Lê Lưu Oanh, 2008].

Trong quá trình kể, người kể không chỉ thuật lại các sự kiện mà còn có thể xen kẽ lời miêu tả hoặc lời bình luận, góp phần làm phong phú thêm nội dung câu chuyện. Theo lý thuyết của Gérard Genette (1980) về ngôn ngữ trần thuật, trong một tác phẩm văn học, có những đoạn mà lời kể dừng lại để nhường chỗ cho lời miêu tả, còn được gọi là “*descriptive pause*” (khoảng dừng miêu tả). Đây là những phần mà người kể chuyện tạm ngừng trình bày các sự kiện, hành động đang diễn ra để tập

*Trường Đại học Thương mại; Email: ngochan251@gmail.com

trung khắc họa chi tiết hơn về nhân vật, bối cảnh, hoặc những yếu tố đặc trưng khác của câu chuyện. Những đoạn miêu tả này không chỉ tạo nên hình ảnh sinh động trong tâm trí người đọc mà còn làm nổi bật không khí và ý nghĩa của câu chuyện [Gérard Genette, 1980]. Ngoài ra, lời bình luận trong ngôn ngữ trần thuật thể hiện những phát biểu mang tính cá nhân, nhằm bày tỏ quan điểm, cảm xúc hoặc đánh giá của người kể chuyện về các nhân vật, sự kiện, hoặc tình huống trong câu chuyện. Lời bình luận không xuất hiện một cách liên tục hay xuyên suốt, mà chỉ được lồng ghép vào ở những thời điểm cụ thể, tùy thuộc vào mục đích diễn đạt thông tin hoặc khơi gợi cảm xúc từ phía người đọc. Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa các yếu tố này không chỉ giúp làm rõ câu chuyện mà còn tăng cường chiều sâu ý nghĩa và sức hút nghệ thuật, mang đến cho người đọc một trải nghiệm phong phú và trọn vẹn hơn.

3. Kết quả khảo sát trong tiểu thuyết “For whom the bell tolls” (Chuông nguyện hồn ai)

3.1. Ngôi kể và phương thức định vị bối cảnh

Đây là một tiểu thuyết chiến tranh kể về Robert Jordan, một tình nguyện viên người Mỹ tham gia vào Nội chiến Tây Ban Nha với nhiệm vụ đặt mìn phá hủy một cây cầu. Về ngôi kể, truyện được kể bằng ngôi thứ ba, tức là về mặt hình thức, người kể không phải là một nhân vật trong truyện mà đang đứng ra kể câu chuyện của người khác. Các nhân vật trong truyện được gọi bằng ngôi thứ ba (He, She, They) hoặc bằng tên riêng (Robert, Maria, Alsenmo). Việc lựa chọn ngôi thứ ba để kể mang đến một giọng điệu trần thuật khách quan, trung lập khi người kể chuyện không can thiệp vào các sự kiện mà chỉ trình bày chúng từ bên ngoài.

Ví dụ (1): *He lay flat on the brown, pine-needled floor of the forest, his chin on his folded arms, and high overhead the wind blew in the tops of the pine trees.* [FWBT, tr.1]

(Chàng nằm sấp trên những xác lá thông, chống cằm trên đôi tay khoanh lại, gió rì rào trong cây lá ở thật cao trên đầu chàng).

Đây là những dòng mở đầu tiểu thuyết khi nhân vật chính Robert Jordan được giới thiệu. Việc kể từ ngôi thứ ba cho thấy vị trí đứng bên ngoài trung lập của người kể chuyện, nhân vật chỉ được miêu tả bằng vị trí (trong rừng thông) và hành động cụ thể (nằm sấp, chống cằm). Người kể chỉ miêu tả một số chi tiết trong bối cảnh như “*brown, pine-needled floor*” và “*high overhead the wind blew*” chứ không cung cấp thông tin gì khác về tên tuổi, công việc cũng như hoàn cảnh của nhân vật. Khi giới thiệu nhân vật Anselmo, người kể cũng sử dụng lối miêu tả khách quan, chỉ liệt kê những quan sát bên ngoài.

Ví dụ (2): *He was a short and solid old man in a black peasant's smock and gray iron-stiff trousers and he wore rope-soled shoes. He was breathing heavily from the climb and his hand rested on one of the two heavy packs they had been carrying.* [FWBT, tr.1]

(Lão già nhỏ thó và khỏe mạnh, mặc áo khoác đen và quần vải xám, mang dép buộc dây thừng. Lão đang thở dốc sau khi leo lên và bàn tay lão đặt trên một trong hai chiếc balo nặng nề mà họ đã đeo).

Nhân vật người du kích địa phương Anselmo cũng chỉ được giới thiệu qua hình dáng (short, solid), trang phục (black smock, gray trousers) và hành động (breathing heavily, his hand rested). Bằng cách sử dụng các từ ngữ trung tính, người kể chỉ tường thuật sự việc và chi tiết một cách trung thực, không đưa ra nhận xét hay ý kiến cá nhân về nhân vật. Điều này giúp người đọc tự cảm nhận về nhân vật dựa trên các dữ liệu được cung cấp, tạo nên một cách tiếp cận khách quan trong việc xây dựng hình tượng. Việc chỉ miêu tả những gì “nhìn thấy” và “xảy ra” cũng phản ánh phong cách trần thuật tối giản của Hemingway, nơi mọi chi tiết đều được lựa chọn cẩn thận để phục vụ ý đồ chung của câu chuyện.

Không chỉ khách quan trong cách giới thiệu nhân vật, bối cảnh trong tiểu thuyết *For whom the bell tolls* cũng được định vị bằng những tên riêng, tên địa danh rõ ràng. Câu chuyện về đội du kích xảy ra ở dãy núi Sierra ở giữa Madrid và Segovia, quân nhân người Mỹ Robert Jordan thừa lệnh sẽ phá hủy một cây cầu thép trong thị trấn Segovia để chặn đường rút lui của quân phát xít. Tiểu thuyết diễn ra trong bối cảnh Nội chiến Tây Ban Nha (1936-1939) và câu chuyện được kể chỉ diễn ra trong

khoảng ba ngày khi Robert Jordan ở trong trại du kích. Ngày đầu tiên, Robert đến gặp nhóm du kích và phối hợp với họ. Ngày thứ hai, nhóm của Robert chuẩn bị cho các nhiệm vụ và đối mặt với nhiều mâu thuẫn nội bộ. Ngày thứ ba, cuộc tấn công vào cây cầu diễn ra tuy không theo kế hoạch ban đầu, dẫn đến nhiệm vụ và số phận của Robert cũng kết thúc. Việc câu chuyện diễn ra trong một khoảng thời gian ngắn tạo ra một cảm giác cấp bách và căng thẳng liên tục, phản ánh sự khốc liệt của cuộc chiến khi cuộc sống và cái chết thay đổi chỉ trong vài ngày. Về hiệu quả trần thuật, kể chuyện bằng ngôi thứ ba với bối cảnh rõ ràng giúp tạo cảm giác khách quan và trung lập, tăng tính đáng tin cậy cho câu chuyện.

3.2. Lời kể

Lời kể chuyện trong *For whom the bell tolls* thiên về liệt kê các hành động bên ngoài một cách khách quan mà không có bình luận hoặc đánh giá. Các sự kiện được thuật lại một cách tuần tự, không xáo trộn.

Ví dụ (3): *Robert Jordan went over to the packs and opening one, felt inside an inner pocket and brought out one of the flat boxes of Russian cigarettes. He ran his thumbnail around the edge of the box and, opening the lid, handed them to Pablo who took half a dozen. Pablo, holding them in one of his huge hands, picked one up and looked at it against the light.* [FWBT, tr.12]

(Robert Jordan bước đến những cái ba lô, mở ra một cái, mò mẫm một cái túi bên trong và lấy ra một cái hộp dẹp đựng thuốc lá Nga. Chàng dùng móng tay trở vạch quanh một cái hộp, mở nắp, đưa hộp thuốc về phía Pablo. Pablo lấy ra sáu điếu. Giữ lấy chúng trong lòng bàn tay, Pablo cầm lấy một điếu đưa lên nhìn cho rõ).

Đoạn văn trên kể lại tương tác giữa Robert và Pablo bằng cách liệt kê chi tiết từng hành động theo trình tự, từ việc Robert mở túi, lấy hộp thuốc lá (go over, open, feel, bring out, run, open, hand) đến việc Pablo cầm và quan sát (take, hold, pick, look). Mỗi hành động được mô tả một cách ngắn gọn, chính xác. Cách kể này tạo cảm giác chân thực, giúp người đọc hình dung rõ ràng diễn biến như thể đang được chứng kiến, đồng thời tăng sự tập trung vào tương tác giữa hai nhân vật. Đoạn văn trên tuy không hề có lời bình luận hoặc miêu tả nhưng vẫn gợi lên một không khí thận trọng và căng thẳng giữa hai nhân vật.

Các động từ được sử dụng trong lời kể thường là những động từ ngắn (một âm tiết), mạnh mẽ, ít khi xuất hiện cùng trạng từ bổ sung ý nghĩa.

Ví dụ (4): *The horseman was almost opposite him now ... He reached his hand down toward the scabbard and as he swung low, turning and jerking at the scabbard, Robert Jordan saw the scarlet of the formalized device he wore on the left breast of his khaki blanket cape. Aiming at the center of his chest, a little lower than the device, Robert Jordan fired. The pistol roared in the snowy woods.* [FWBT, tr.144]

(Bây giờ kỵ mã đã đối diện với chàng... Lúc đó anh ta cũng vừa trông thấy Robert Jordan. Kỵ mã hạ bàn tay xuống gần khẩu súng và trong lúc cúi xuống, kéo và giật cái bao súng, Robert Jordan thấy cái huy hiệu đỏ gắn trên ngực áo choàng bên trái. Nhắm vào giữa ngực kỵ mã, xê một chút xuống phía dưới huy hiệu, Robert Jordan nhấn cò. Tiếng súng vang lên trong rừng cây tuyết trắng).

Trong đoạn văn trên miêu tả cuộc đụng độ giữa Robert Jordan và người kỵ mã, chỉ có các hành động được kể lần lượt: Robert thấy kỵ mã, kỵ mã trông thấy Robert và với tay lấy khẩu súng, Robert nhắm vào ngực kỵ mã và nhấn cò. Các hành động được miêu tả tuần tự và ngắn gọn, câu trần thuật chủ yếu là cấu trúc ngắn SVO hoặc SV, người kể chuyện không dừng lại để đưa ra một lời nhận xét hay phân tích nào. Người đọc chỉ thấy được các hành động của nhân vật mà không biết ai đang ngạc nhiên, sợ hãi hay căng thẳng bởi các yếu tố đánh giá hoặc bình luận không xuất hiện. Với các câu văn ngắn không có liên kết, sự xuất hiện dồn dập của các động từ, người đọc cảm nhận được sự gay cấn, căng thẳng và những hành động dứt khoát đến từng giây của các nhân vật.

Trong khi kể diễn biến câu chuyện, lời kể thường xen kẽ lời miêu tả nhưng ít xuất hiện lời bình luận hoặc đánh giá.

Ví dụ (5): *He could see the **dark** of the oiled road winding through the pass. There was a stream alongside the road and far down the pass he saw a mill beside the stream and the falling water of the dam, **white** in the summer sunlight.* [FWBT, tr.2]

(Chàng trông thấy bóng đen của con đường nhựa vắt qua đèo. Có một dòng suối dọc đường đi và thật xa phía dưới, người ta nhắc thấy một trại cửa nằm bên dòng suối và bên cái thác đập nước, nó hiện lên trắng xóa dưới ánh nắng mùa hè.)

Đoạn văn kết hợp lời miêu tả và lời kể một cách hài hòa, tạo nên một bức tranh vừa chân thực vừa sinh động. Lời kể tập trung vào các chi tiết hành động đơn giản như "*he could see*" và "*he saw*", dẫn dắt người đọc qua từng hình ảnh mà nhân vật quan sát. Xen lẫn vào đó, lời miêu tả với những chi tiết cụ thể và các tính từ chỉ màu sắc như "*the dark of the oiled road*", "*the falling water of the dam*", "*white in the summer sunlight*" không chỉ phác họa rõ ràng khung cảnh mà còn gợi cảm giác tĩnh lặng và thơ mộng. Sự kết hợp này giúp người đọc vừa cảm nhận được cái nhìn của nhân vật, vừa hình dung bối cảnh một cách rõ nét và giàu sức gợi. Khi tả người, tác giả cũng sử dụng nhiều tính từ chỉ màu sắc, điển hình là *red* (red eyes, red face), *yellow* (yellow-gray eyes, yellow hair), *dark* (dark eyes, dark areas under eyes, dark face, dark flecks), *gray* (gray eyes, gray neck, gray hair, gray face, gray beard), *black* (black hair, black beard, black horns), *white* (white face, white foot, white teeth).

Ví dụ (6): *With a **red** face and **blond** hair and **blue** eyes. With no cap on and his moustache is **yellow**.* [FWBT, tr.171]

(Với khuôn mặt đỏ, tóc hung và mắt xanh. Khi không đội mũ bộ râu của hắn có màu vàng).

Hai câu trên miêu tả cảnh El Sordo nhìn tên đại úy đang leo lên ngọn đồi. Bằng việc sử dụng màu sắc để miêu tả những chi tiết trên khuôn mặt như mặt đỏ (red face), chân dung các nhân vật hiện lên sinh động, tuy nhiên màu sắc là một nhóm tính từ trung lập, khó xác định thái độ đánh giá hay bình luận trong những miêu tả này. Mặc dù trong diễn biến tiếp theo của câu chuyện El Sordo sẽ bắn tên đại úy này, nhưng khi tên đại úy chết, lời miêu tả cũng đơn giản chỉ là tả dáng người vừa nằm xuống.

Ví dụ (7): *The captain lay on his face on the hillside. His left arm was under him. His right arm that had held the pistol was stretched forward of his head. From all down the slope they were firing on the hill crest again.* [FWBT, tr.172]

(Tên đại úy ngã úp mặt trên sườn đồi. Tay trái ở dưới thân. Tay phải cầm súng duỗi thẳng phía trên đầu. Từ trên dốc bọn chúng lại tiếp tục bắn).

Ví dụ này là một minh chứng điển hình cho phong cách kể chuyện tối giản và khách quan của Hemingway. Trong đoạn văn, người kể không tập trung vào những cảm xúc hay suy nghĩ nội tâm của nhân vật mà chỉ tường thuật một cách chính xác và ngắn gọn về tư thế của tên đại úy: ngã úp mặt xuống đất, tay trái dưới thân, tay phải duỗi thẳng cầm súng. Mọi chi tiết đều được miêu tả một cách cụ thể và tỉ mỉ, nhưng không có sự bình luận hay cảm xúc được thể hiện qua ngôn từ. Người kể không đưa ra bất kỳ sự đánh giá hay suy tư nào về tình trạng của nhân vật, điều này khiến cảnh tượng trở nên rất lạnh lùng và khách quan. Cách kể chuyện này phản ánh sự tách biệt giữa người kể và các nhân vật, một đặc trưng của phong cách trần thuật Hemingway. Cảnh tượng được mô tả một cách khách quan, thậm chí có phần thờ ơ, khiến người đọc cảm thấy sự bạo lực trong chiến tranh không phải là điều gì quá bất ngờ hay mới mẻ. Đoạn văn không tô vẽ gì thêm, chỉ có những hành động và hình ảnh của cái chết, cho thấy việc "chém giết" trong chiến tranh đã trở thành một điều bình thường, không hề gây ra sự cảm thông hay phản ứng nào từ người kể. Cách kể chuyện này giúp nhấn mạnh sự tàn khốc và vô cảm của chiến tranh, nơi sự sống và cái chết diễn ra mà không có sự phân biệt hay đánh giá.

Ngôn ngữ miêu tả trong *For Whom the Bell Tolls* xuất hiện một cách tiết chế, thường chỉ được lồng ghép vào ngôn ngữ kể nhằm phục vụ cho việc tái hiện bối cảnh hoặc khắc họa nhân vật một cách đơn giản, khách quan. Hemingway không lạm dụng các chi tiết miêu tả, mà chỉ tập trung vào những yếu tố tối thiểu cần thiết để dẫn dắt người đọc hình dung sự việc. Chẳng hạn, khi tả nhân vật, ông sử dụng các tính từ chỉ màu sắc như *red*, *yellow*, *gray*, *black*, và *white* để phác họa ngoại hình, nhưng các chi tiết này đều mang tính trung lập, không hàm chứa bất kỳ đánh giá hay cảm xúc nào.

Cách miêu tả này chỉ được kết hợp ở mức độ vừa đủ trong lời kể, tạo nên sự hài hòa giữa việc thuật lại các hành động và việc tái hiện khung cảnh. Ngay cả khi miêu tả cái chết của nhân vật, Hemingway chỉ liệt kê vị trí cơ thể, tư thế tay chân mà không thêm bất kỳ bình luận nào, nhấn mạnh cái nhìn lạnh lùng và thờ ơ của người kể. Sự tiết chế trong ngôn ngữ miêu tả không chỉ làm nổi bật tính khách quan mà còn tăng cường nhịp điệu căng thẳng của câu chuyện, để lại khoảng trống cho độc giả tự cảm nhận và suy ngẫm về sự khốc liệt, phi lý của cuộc chiến.

3. Kết luận

Ngôn ngữ kể trong *For whom the bell tolls* thể hiện rõ nét phong cách trần thuật đặc trưng của Ernest Hemingway: khách quan, trung tính và tối giản. Sự lựa chọn ngôi thứ ba giúp tác phẩm tạo được khoảng cách giữa người kể chuyện và câu chuyện, đồng thời mang lại cảm giác đáng tin cậy, cho phép người đọc tự do đánh giá nhân vật và sự kiện mà không bị định hướng bởi ý kiến chủ quan. Việc sử dụng lối kể tuyến tính, tập trung vào hành động cụ thể và chi tiết bối cảnh càng làm nổi bật tính chân thực của câu chuyện. Hemingway tập trung vào việc thuật lại các sự việc một cách đơn giản và trực tiếp, hạn chế miêu tả hoặc bình luận sâu. Lời kể thường được kết hợp với những chi tiết miêu tả ngắn gọn, sử dụng các tính từ trung lập và động từ mạnh để tái hiện sự kiện một cách rõ ràng và khách quan. Nhịp điệu câu văn nhanh, dứt khoát tạo nên cảm giác căng thẳng, khẩn trương, phù hợp với bối cảnh chiến tranh khốc liệt. Đồng thời, lối kể lạnh lùng, không cảm xúc càng làm nổi bật thực tế tàn nhẫn và sự mất mát, phi lý của chiến tranh, để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc. Có thể nói, ngôn ngữ kể trong *For whom the bell tolls* không chỉ đơn thuần là công cụ truyền tải nội dung mà còn là yếu tố chính yếu tạo nên chiều sâu và sức hút của tác phẩm, giúp Hemingway khắc họa thành công hiện thực nghiệt ngã của chiến tranh và số phận con người trong thời kì đầy biến động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên) (2000), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. Lê Lưu Oanh, Phạm Đăng Dư (2008), *Lý luận Văn học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

Tiếng Anh

3. Genette, G. (1980), Translated by Lewin, E., *Narrative discourse - an essay in method*, Cornell University Press, New York.

NGŨ LIỆU

1. Hemingway, E. (1940), *For whom the bell tolls*, Arrow Books.

Narrative Language in “For whom the bell tolls”

Abstract: This article analyzes the characteristics of the narrative language in Ernest Hemingway's novel *For whom the bell tolls*, focusing on the implicit narrative voice from outside of the story. Using the third-person point of view, the narrative language in the work adopts an objective and neutral tone, allowing the reader to experience the story naturally, without being influenced by the narrator's subjective perspective. Instead of focusing on description or commentary, the narrator mainly recounts events briefly and accurately. This narrative style not only enhances realism but also emphasizes the story's urgent and tense rhythm, while clearly reflecting Ernest Hemingway's minimalist and unique writing style.

Key words: narrative language; narration; Ernest Hemingway; war novel; *For Whom the Bell Tolls*.